

SỞ Y TẾ NGHỆ AN
BAN TỔ CHỨC CUỘC THI TRỰC
TUYỂN “TÌM HIỂU KIẾN THỨC
ATTP THUỘC LĨNH VỰC NGÀNH
Y TẾ QUẢN LÝ” NĂM 2023

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Nghệ An, ngày tháng năm 2023

Số: /QĐ-BTC

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Bộ câu hỏi cuộc thi trực tuyến “Tìm hiểu kiến thức an toàn thực phẩm thuộc lĩnh vực ngành Y tế quản lý” năm 2023

Căn cứ Quyết định số 44/2022/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An ngày 07/9/2022 về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế tỉnh Nghệ An;

Căn cứ Kế hoạch số 3511/KH-SYT của Sở Y tế Nghệ An ngày 03/11/2023 về việc Tổ chức cuộc thi trực tuyến “Tìm hiểu kiến thức an toàn thực phẩm thuộc lĩnh vực ngành Y tế quản lý” năm 2023;

Căn cứ Quyết định số 1309/QĐ-SYT ngày 09/11/2023 của Sở Y tế về việc thành lập Thành lập Ban tổ chức Cuộc thi trực tuyến “Tìm hiểu kiến thức an toàn thực phẩm thuộc lĩnh vực ngành Y tế quản lý” năm 2023;

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Nghiệp vụ Y Sở Y tế và Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm Nghệ An tại Tờ trình số 448/TTr-ATTP ngày 15/11/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Bộ câu hỏi cuộc thi trực tuyến “Tìm hiểu kiến thức an toàn thực phẩm lĩnh vực ngành Y tế quản lý” năm 2023.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chi cục trưởng Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm Nghệ An, thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, đoàn thể và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- GD, các PGĐ Sở (để b/cáo);
- Lưu: VT, NVY.

TRƯỞNG BAN

Nguyễn Hữu Lê
PHÓ GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ

BỘ CÂU HỎI

Cuộc thi trực tuyến "Tìm hiểu kiến thức an toàn thực phẩm thuộc lĩnh vực ngành Y tế quản lý" năm 2023

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-BTC ngày tháng năm 2023 của Ban tổ chức cuộc thi)

Câu 1. Luật An toàn thực phẩm được Quốc hội ban hành ngày, tháng, năm nào?

a. Ngày 17/6/2010

b. Ngày 17/7/2011

c. Ngày 01/7/2012

Đáp án đúng là đáp án a.

Quy định tại Điều 71 Luật An toàn thực phẩm.

Câu 2. Theo Luật An toàn thực phẩm, an toàn thực phẩm là gì?

a. Là việc bảo đảm để thực phẩm không gây hại đến sức khỏe, tính mạng con người, bổ sung các vi chất có lợi cho cơ thể.

b. Là phòng ngừa, ngăn chặn và khắc phục sự cố về an toàn thực phẩm.

c. Là việc bảo đảm để thực phẩm không gây hại đến sức khỏe, tính mạng con người.

Đáp án đúng là đáp án c.

Quy định tại khoản 1, Điều 2 Luật An toàn thực phẩm.

Câu 3. Nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân sản xuất thực phẩm là?

a. Tuân thủ các điều kiện bảo đảm an toàn đối với thực phẩm, bảo đảm an toàn thực phẩm trong quá trình sản xuất và chịu trách nhiệm về an toàn thực phẩm do mình sản xuất.

b. Quyết định và công bố các tiêu chuẩn sản phẩm do mình sản xuất, cung cấp; quyết định áp dụng các biện pháp kiểm soát nội bộ để bảo đảm an toàn thực phẩm.

c. Khiếu nại, tố cáo, khởi kiện theo quy định của pháp luật.

Đáp án đúng là đáp án a.

Quy định tại điểm a, khoản 2, Điều 7 Luật An toàn thực phẩm.

Câu 4. Tổ chức, cá nhân kinh doanh thực phẩm có quyền nào sau đây?

a. Tuân thủ các điều kiện bảo đảm an toàn đối với thực phẩm trong quá trình kinh doanh và chịu trách nhiệm về an toàn thực phẩm do mình kinh doanh.

b. Yêu cầu tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu thực phẩm hợp tác trong việc thu hồi và xử lý thực phẩm không bảo đảm an toàn.

c. Hợp tác với tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu, cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong việc điều tra ngộ độc thực phẩm để khắc phục hậu quả, thu hồi hoặc xử lý thực phẩm không bảo đảm an toàn.

Đáp án đúng là đáp án b.

Quy định tại điểm b, khoản 1, Điều 8 Luật An toàn thực phẩm.

Câu 5. Người tiêu dùng thực phẩm có quyền nào sau đây?

a. Được cung cấp thông tin trung thực về an toàn thực phẩm, hướng dẫn sử dụng, vận chuyển, lưu giữ, bảo quản, lựa chọn, sử dụng thực phẩm phù hợp; được cung cấp thông tin về nguy cơ gây mất an toàn, cách phòng ngừa khi nhận được thông tin cảnh báo đối với thực phẩm.

b. Tuân thủ đầy đủ các quy định, hướng dẫn về an toàn thực phẩm của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh trong vận chuyển, lưu giữ, bảo quản và sử dụng thực phẩm.

c. Kịp thời cung cấp thông tin khi phát hiện nguy cơ gây mất an toàn thực phẩm, khai báo ngộ độc thực phẩm, bệnh truyền qua thực phẩm với Ủy ban nhân dân nơi gần nhất, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh, cơ quan nhà nước có thẩm quyền, tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm.

Đáp án đúng là đáp án a.

Quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 9 Luật An toàn thực phẩm.

Câu 6. Hành vi bị cấm theo quy định của Luật An toàn thực phẩm là?

a. Sử dụng động vật chết do bệnh, dịch bệnh hoặc chết không rõ nguyên nhân, bị tiêu hủy để sản xuất, kinh doanh thực phẩm.

b. Sử dụng nguyên liệu thực phẩm đã quá thời hạn sử dụng, không rõ nguồn gốc, xuất xứ hoặc không bảo đảm an toàn để sản xuất, chế biến thực phẩm.

c. Cả 2 đáp án trên.

Đáp án đúng là đáp án c.

Quy định tại Điều 5, Luật An toàn thực phẩm.

Câu 7. Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm có hiệu lực khi nào?

a. Ngày 02/02/2018.

b. Ngày 02/6/2018.

c. Ngày 02/8/2018.

Đáp án đúng là đáp án a.

Quy định tại Điều 43 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm.

Câu 8. Trường hợp nào sau đây được miễn kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm nhập khẩu?

a. Sản phẩm được sử dụng để trưng bày hội chợ, triển lãm.

b. Sản phẩm tạm nhập khẩu để bán tại cửa hàng miễn thuế.

c. Cả 2 đáp án trên.

Đáp án đúng là đáp án c.

Quy định tại Điều 13 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm.

Câu 9. Loại thực phẩm nào phải đăng ký nội dung trước khi quảng cáo?

a. Thực phẩm bảo vệ sức khỏe, thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt.

b. Sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi không thuộc trường hợp cấm quảng cáo quy định tại Điều 7 của Luật quảng cáo.

c. Cả 2 đáp án trên.

Đáp án đúng là đáp án c.

Quy định tại Điều 26, Nghị định 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm

Câu 10. Quy định việc sử dụng phụ gia thực phẩm trong sản xuất, kinh doanh thực phẩm?

a. Sử dụng phụ gia thực phẩm theo kinh nghiệm.

b. Sử dụng phụ gia thực phẩm không có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, thời hạn sử dụng.

c. Sử dụng phụ gia thực phẩm không vượt quá mức sử dụng tối đa cho phép; đúng đối tượng thực phẩm; có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng; còn thời hạn sử dụng; đáp ứng đầy đủ các yêu cầu quản lý và yêu cầu kỹ thuật đối với phụ gia thực phẩm.

Đáp án đúng là đáp án c.

Quy định tại Điều 33, Nghị định 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm

Câu 11. Kiểm thực ba bước gồm những bước nào?

a. Kiểm tra trước khi chế biến thức ăn, kiểm tra trong quá trình chế biến thức ăn, kiểm tra trước khi ăn.

b. Kiểm tra trước khi chế biến thức ăn, kiểm tra trong quá trình chế biến thức ăn, kiểm tra sau khi ăn.

c. Kiểm tra trước khi chế biến thức ăn, kiểm tra trước khi ăn, kiểm tra sau khi ăn.

Đáp án đúng là đáp án a.

Quy định tại Quyết định số 1246/QĐ-BYT ngày 31/3/2017 của Bộ Y tế về việc ban hành “Hướng dẫn thực hiện chế độ kiểm thực ba bước và lưu mẫu thức ăn đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống”.

Câu 12. Trường hợp nào sau đây không thuộc diện phải cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm?

a. Cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống có địa điểm cố định.

b. Bếp ăn tập thể không có đăng ký ngành nghề kinh doanh thực phẩm.

c. Cơ sở sản xuất nước uống đóng chai.

Đáp án đúng là đáp án b.

Quy định tại điểm h, khoản 1, Điều 12 Nghị định 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm.

Câu 13: Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm có giá trị trong thời hạn bao nhiêu năm?

a. 1 năm.

b. 2 năm.

c. 3 năm.

Đáp án đúng là đáp án c.

Quy định tại khoản 1, Điều 37 Luật An toàn thực phẩm

Câu 14. Cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống bao gồm?

- a. Cửa hàng, quầy hàng kinh doanh thức ăn ngay, thực phẩm chín.
- b. Nhà hàng ăn uống, cơ sở chế biến suất ăn sẵn, căng-tin và bếp ăn tập thể.

c. Cả 2 đáp án trên.

Đáp án đúng là đáp án c.

Quy định tại Khoản 5, Điều 2, Luật An toàn thực phẩm

Câu 15. Cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống cần phải đáp ứng những nhóm điều kiện nào sau đây để đảm bảo an toàn thực phẩm?

- a. Điều kiện về cơ sở, trang thiết bị, dụng cụ
- c. Điều kiện về con người

c. Cả 2 đáp án trên.

Đáp án đúng là đáp án c.

Theo quy định tại Điều 28, Điều 29, Điều 30 của Luật An toàn thực phẩm

Câu 16. Người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm phải đáp ứng yêu cầu nào sau đây?

a. Được tập huấn kiến thức an toàn thực phẩm có xác nhận của chủ cơ sở và không bị mắc các bệnh tả, lỵ, thương hàn, viêm gan A, E, viêm da nhiễm trùng, lao phổi, tiêu chảy cấp khi đang sản xuất, kinh doanh thực phẩm.

b. Được tập huấn kiến thức an toàn thực phẩm có xác nhận của cơ quan quản lý nhà nước và không bị mắc các bệnh tả, lỵ, thương hàn, viêm gan A, E, viêm da nhiễm trùng, lao phổi, tiêu chảy cấp khi đang sản xuất, kinh doanh thực phẩm.

c. Được tập huấn kiến thức an toàn thực phẩm và không bị mắc các bệnh viêm da nhiễm trùng khi đang sản xuất, kinh doanh thực phẩm.

Đáp án đúng là đáp án a.

Quy định tại khoản 2, Điều 2 Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Y tế.

Câu 17. Kiểm thực ba bước là gì?

a. Kiểm thực ba bước là việc thực hiện kiểm tra, ghi chép và lưu giữ tài liệu tại cơ sở ghi chép nhằm kiểm soát an toàn thực phẩm trong suốt quá

trình từ khi nhập nguyên liệu, thực phẩm, sơ chế, chế biến, phân chia, bảo quản và vận chuyển thức ăn cho đến khi ăn uống tại cơ sở.

b. Kiểm thực ba bước là việc thực hiện kiểm tra, ghi chép và lưu giữ tài liệu tại cơ sở ghi chép nhằm kiểm soát an toàn thực phẩm trong suốt quá trình từ khi nhập nguyên liệu, thực phẩm, sơ chế, chế biến, phân chia, bảo quản.

c. Kiểm thực ba bước là việc thực hiện ghi chép và lưu giữ tài liệu tại cơ sở ghi chép trong suốt quá trình từ khi nhập nguyên liệu, thực phẩm, sơ chế, chế biến, phân chia, bảo quản và vận chuyển thức ăn cho đến khi ăn uống tại cơ sở.

Đáp án đúng là đáp án a.

Quy định tại “Hướng dẫn thực hiện chế độ kiểm thực ba bước và lưu mẫu thức ăn đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống” ban hành kèm theo Quyết định số 1246/QĐ-BYT ngày 31/3/2017 của Bộ Y tế.

Câu 18. Cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống phải lưu mẫu đối với bữa ăn có từ bao nhiêu suất ăn trở lên?

a. 30 suất trở lên.

b. 40 suất trở lên.

c. 50 suất trở lên.

Đáp án đúng là đáp án a.

Quy định tại “Hướng dẫn thực hiện chế độ kiểm thực ba bước và lưu mẫu thức ăn đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống” ban hành kèm theo Quyết định số 1246/QĐ-BYT ngày 31/3/2017 của Bộ Y tế.

Câu 19. Thời gian lưu mẫu thức ăn tối thiểu là bao nhiêu giờ?

a. 12 giờ.

b. 24 giờ.

c. 48 giờ.

Đáp án đúng là đáp án b.

Quy định tại “Hướng dẫn thực hiện chế độ kiểm thực ba bước và lưu mẫu thức ăn đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống” ban hành kèm theo Quyết định số 1246/QĐ-BYT ngày 31/3/2017 của Bộ Y tế.

Câu 20. Vụ ngộ độc thực phẩm là gì?

a. Là tình trạng ngộ độc cấp xảy ra với 2 người trở lên có dấu hiệu ngộ độc khi ăn cùng một loại thực phẩm tại cùng một địa điểm, thời gian. Trường hợp chỉ có một người mắc và bị tử vong cũng được coi là một vụ ngộ độc thực phẩm.

b. Là tình trạng ngộ độc cấp xảy ra với 3 người trở lên có dấu hiệu ngộ độc khi ăn cùng một loại thực phẩm tại cùng một địa điểm, thời gian. Trường hợp tử vong do ngộ độc thực phẩm có 2 người mắc và bị tử vong cũng được coi là một vụ ngộ độc thực phẩm.

c. Là tình trạng ngộ độc cấp xảy ra với 2 người trở lên có dấu hiệu ngộ độc khi ăn cùng một loại thực phẩm.

Đáp án đúng là đáp án a.

Quy định tại khoản 2 Điều 3 Quy chế điều tra ngộ độc thực phẩm ban hành kèm theo Quyết định số 39/2006/QĐ-BYT ngày 13/12/2006 QĐ-BYT của Bộ Y tế.

Câu 21. Quy định lượng mẫu lưu thức ăn tối thiểu là bao nhiêu?

a. Thức ăn rắn là 50 gam; thức ăn lỏng là 100 ml

b. Thức ăn đặc là 100 gam; thức ăn lỏng là 150 ml

c. Thức ăn rắn là 150 gam; thức ăn lỏng là 200 ml

Đáp án đúng là đáp án b.

Quy định tại “Hướng dẫn thực hiện chế độ kiểm thực ba bước và lưu mẫu thức ăn đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống” ban hành kèm theo Quyết định số 1246/QĐ-BYT ngày 31/3/2017 của Bộ Y tế.

Câu 22. Quy định về nhiệt độ bảo quản mẫu lưu thức ăn?

a. Bảo quản theo nhiệt độ từ -8°C đến -2°C .

b. Bảo quản ở nhiệt độ từ -2°C đến 8°C .

c. Bảo quản ở nhiệt độ từ 2°C đến 8°C .

Đáp án đúng là đáp án c.

Quy định tại “Hướng dẫn thực hiện chế độ kiểm thực ba bước và lưu mẫu thức ăn đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống” ban hành kèm theo Quyết định số 1246/QĐ-BYT ngày 31/3/2017 của Bộ Y tế.

Câu 23. Người trực tiếp tham gia sản xuất, chế biến thực phẩm không bị mắc các bệnh nào sau đây?

a. Bệnh tả, lỵ, thương hàn, tiêu chảy cấp, viêm da nhiễm trùng, lao phổi.

b. Bệnh viêm gan A, E.

c. Cả 2 đáp án trên.

Đáp án đúng là đáp án c.

Quy định tại khoản 2, Điều 2 Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Y tế.

Câu 24. Nhãn thực phẩm bảo vệ sức khỏe phải đáp ứng quy định nào sau đây?

a. Phải ghi cụm từ “Thực phẩm này không phải là thuốc, có chức năng thay thế thuốc chữa bệnh”.

b. Phải ghi cụm từ “Thực phẩm này không phải là thuốc và không có tác dụng thay thế thuốc chữa bệnh” ngay sau phần ghi nhãn về công dụng của sản phẩm hoặc cùng chỗ với các khuyến cáo khác nếu có.

c. Phải ghi cụm từ “Thực phẩm này hỗ trợ chức năng cho cơ thể”.

Đáp án đúng là đáp án b.

Quy định tại khoản 10, Điều 4 Thông tư số 17/2023/TT-BYT ngày 25/9/2023 của Bộ Y tế Sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật về an toàn thực phẩm do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành.

Câu 25. Địa điểm của cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm phải tuân thủ điều kiện nào sau đây?

a. Vị trí nào cũng được.

b. Có địa điểm, diện tích thích hợp, có khoảng cách an toàn đối với nguồn gây độc hại, nguồn ô nhiễm và các yếu tố gây hại khác.

c. Gần nguồn ô nhiễm, miễn là che chắn hợp lý.

Đáp án đúng là đáp án b.

Quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 19 Luật An toàn thực phẩm.

Câu 26. Thực phẩm bị thu hồi trong trường hợp nào sau đây?

a. Thực phẩm hết thời hạn sử dụng mà vẫn bán trên thị trường; Thực phẩm không phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật tương ứng; Thực phẩm là sản phẩm công nghệ mới chưa được phép lưu hành.

b. Thực phẩm bị hư hỏng trong quá trình bảo quản, vận chuyển, kinh doanh; Thực phẩm có chất cấm sử dụng hoặc xuất hiện tác nhân gây ô nhiễm vượt mức giới hạn quy định; Thực phẩm nhập khẩu bị cơ quan có thẩm quyền nước xuất khẩu, nước khác hoặc tổ chức quốc tế thông báo có chứa tác nhân gây ô nhiễm gây hại đến sức khỏe, tính mạng con người.

c. Cả 2 đáp án trên.

Đáp án đúng là đáp án c.

Quy định tại khoản 1, Điều 55 Luật An toàn thực phẩm.

Câu 27. Hình thức xử lý thực phẩm không đảm bảo an toàn?

- a. Tiêu hủy; Chuyển mục đích sử dụng.
- b. Khắc phục lỗi của sản phẩm, lỗi ghi nhãn; Tái xuất.

c. Cả 2 đáp án trên.

Đáp án đúng là đáp án c.

Quy định tại Khoản 3, Điều 55 Luật An toàn thực phẩm.

Câu 28. Quyết định số 11/2021/QĐ-UBND ngày 20/5/2021 của UBND tỉnh Nghệ An ban hành Quy định phân công, phân cấp và phối hợp quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh Nghệ An có hiệu lực thi hành từ thời gian nào?

- a. 20/5/2021.

b. 05/6/2021.

- c. 05/7/2021.

Đáp án đúng là đáp án b.

Quy định tại Điều 2 Quyết định số 11/2021/QĐ-UBND ngày 20/5/2021 của UBND tỉnh Nghệ An.

Câu 29. Nguyên tắc phân công, phân cấp và phối hợp quản lý an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh Nghệ An?

a. Một cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nhưng có nhiều sản phẩm thực phẩm thuộc thẩm quyền quản lý của từ hai cấp trở lên thì thuộc thẩm quyền quản lý của cấp thấp hơn.

b. Nguyên tắc một cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nhưng có nhiều loại sản phẩm thực phẩm thuộc thẩm quyền quản lý của từ hai cấp trở lên thì thuộc thẩm quyền quản lý của hai cấp.

c. Nguyên tắc một cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nhưng có nhiều loại sản phẩm thực phẩm thuộc thẩm quyền quản lý của từ hai cấp trở lên thì thuộc thẩm quyền quản lý của cấp cao nhất.

Đáp án đúng là đáp án c.

Quy định tại khoản 3, Điều 3 Quy định Phân công, phân cấp và phối hợp quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh Nghệ An ban hành kèm theo Quyết định số 11/2021/QĐ-UBND ngày 20/5/2021 của UBND tỉnh Nghệ An.

Câu 30. Bếp ăn tập thể của các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông trên địa bàn tỉnh Nghệ An thuộc quản lý của cơ quan nào?

a. Sở Y tế.

b. UBND cấp huyện.

c. UBND cấp xã.

Đáp án đúng là đáp án b.

Quy định tại điểm c, khoản 2, Điều 4 Quy định Phân công, phân cấp và phối hợp quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh Nghệ An ban hành kèm theo Quyết định số 11/2021/QĐ-UBND ngày 20/5/2021 của UBND tỉnh Nghệ An.

Câu 31. Loại hình bữa cỗ tập trung đông người tổ chức tại cộng đồng trên địa bàn tỉnh Nghệ An thuộc cơ quan nào quản lý?

a. Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm.

b. UBND cấp huyện.

c. UBND cấp xã.

Đáp án đúng là đáp án c.

Quy định tại điểm b, khoản 3, Điều 4 Quy định Phân công, phân cấp và phối hợp quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh Nghệ An ban hành kèm theo Quyết định số 11/2021/QĐ-UBND ngày 20/5/2021 của UBND tỉnh Nghệ An.

Câu 32. Loại hình sản xuất nước uống đóng chai, nước khoáng thiên nhiên trên địa bàn tỉnh Nghệ An do cơ quan nào quản lý?

a. Sở Y tế (Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm).

b. Sở Công Thương.

c. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Đáp án đúng là đáp án a.

Quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 4 Quy định Phân công, phân cấp và phối hợp quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh Nghệ An ban hành kèm theo Quyết định số 11/2021/QĐ-UBND ngày 20/5/2021 của UBND tỉnh Nghệ An.

Câu 33. Thịt và các sản phẩm từ thịt do ngành nào quản lý?

a. Ngành Y tế.

b. Ngành Công Thương.

c. Ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Đáp án đúng là đáp án c.

Quy định tại phụ lục III Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm.

Câu 34. Bia các loại: Bia hơi, Bia chai do ngành nào quản lý?

a. Ngành Y tế.

b. Ngành Công Thương.

c. Ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Đáp án đúng là đáp án b.

Quy định tại phụ lục IV Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm.

Câu 35. Các sản phẩm thực phẩm (bao gói sẵn) nhập khẩu khi lưu thông tại thị trường Việt Nam có bắt buộc phải dán nhãn bằng tiếng Việt hoặc có nhãn phụ bằng tiếng Việt không?

a. Bắt buộc.

b. Không bắt buộc.

c. Tùy theo yêu cầu của sản phẩm.

Đáp án đúng là đáp án a.

Quy định tại khoản 3, Điều 7 Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14/4/2017 của Chính phủ về nhãn hàng hóa.

Câu 36. Theo Luật An toàn thực phẩm, mục đích của thông tin, giáo dục, truyền thông về an toàn thực phẩm là?

a. Thông tin, giáo dục, truyền thông về an toàn thực phẩm nhằm nâng cao nhận thức về an toàn thực phẩm, thay đổi hành vi, phong tục, tập quán sản xuất, kinh doanh, sinh hoạt, ăn uống lạc hậu, gây mất an toàn thực phẩm, góp phần bảo vệ sức khỏe, tính mạng con người; đạo đức kinh doanh, ý thức trách nhiệm của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh với sức khỏe, tính mạng của người tiêu dùng thực phẩm.

b. Thông tin, giáo dục, truyền thông về an toàn thực phẩm nhằm thay đổi hành vi của người tiêu dùng trong lựa chọn thực phẩm.

c. Thông tin, giáo dục, truyền thông về an toàn thực phẩm nhằm thông tin các điển hình sản xuất, kinh doanh thực phẩm bảo đảm an toàn; việc thu hồi thực phẩm không bảo đảm an toàn.

Đáp án đúng là đáp án a.

Quy định tại khoản 1, Điều 56 Luật An toàn thực phẩm.

Câu 37. Theo Luật An toàn thực phẩm, yêu cầu trong việc cung cấp thông tin, giáo dục, truyền thông về an toàn thực phẩm là?

a. Chính xác, kịp thời, rõ ràng, đơn giản, thiết thực; Phù hợp với truyền thống, văn hóa, bản sắc dân tộc, tôn giáo, đạo đức xã hội, tín ngưỡng và phong tục tập quán.

b. Chính xác, kịp thời, rõ ràng, đơn giản, thiết thực; Phù hợp với truyền thống, văn hóa, bản sắc dân tộc, tôn giáo, đạo đức xã hội, tín ngưỡng và phong tục tập quán; Phù hợp với từng loại đối tượng được tuyên truyền.

c. Phù hợp với truyền thống, văn hóa, bản sắc dân tộc, tôn giáo, đạo đức xã hội, tín ngưỡng và phong tục tập quán; Phù hợp với từng loại đối tượng được tuyên truyền.

Đáp án đúng là đáp án b.

Quy định tại khoản 2, Điều 56 Luật An toàn thực phẩm.

Câu 38. Theo Luật An toàn thực phẩm, đối tượng ưu tiên trong tiếp cận thông tin, giáo dục, truyền thông về an toàn thực phẩm là?

a. Người tiêu dùng thực phẩm; Người quản lý, điều hành các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm; người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm; Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm tươi sống, sản xuất, kinh doanh thực phẩm nhỏ lẻ; người dân khu vực có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

b. Người quản lý, điều hành các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm; người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm; Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm tươi sống, sản xuất, kinh doanh thực phẩm nhỏ lẻ.

c. Các cán bộ, công chức thực hiện công tác quản lý về an toàn thực phẩm

Đáp án đúng là đáp án a.

Quy định tại khoản 2, Điều 58 Luật An toàn thực phẩm.

Câu 39. Nghị định nào sau đây Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính?

a. Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 của Chính phủ.

b. Nghị định số 124/2021/NĐ-CP ngày 28/12/2021 của Chính phủ.

c. Nghị định số 126/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ.

Đáp án đúng là đáp án a.

Câu 40. Nghị định nào sau đây Quy định xử phạt vi phạm hành chính về an toàn thực phẩm?

a. Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ.

b. Nghị định số 115/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ.

c. Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 của Chính phủ.

Đáp án đúng là đáp án b.

Câu 41. Trước khi tiến hành kiểm tra an toàn thực phẩm theo kế hoạch, cơ quan kiểm tra phải thông báo cho cơ sở được kiểm tra chậm nhất bao nhiêu ngày? (trừ đối tượng được kiểm tra là cơ sở kinh doanh thực phẩm thuộc diện không phải đăng ký kinh doanh, người kinh doanh thức ăn đường phố)

a. 01 ngày

b. 02 ngày

c. 03 ngày

Đáp án đúng là đáp án a.

Quy định tại khoản 2 Điều 7 của Thông tư số 48/2015/TT-BYT ngày 01/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định hoạt động kiểm tra an toàn thực phẩm trong sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Y tế

Câu 42. Quy định nào sau đây là đảm bảo an toàn thực phẩm đối với nguyên liệu dùng để chế biến thực phẩm?

a. Sử dụng nguyên liệu không thuộc loại dùng cho thực phẩm để chế biến thực phẩm.

b. Sử dụng nguyên liệu quá thời hạn sử dụng để chế biến thực phẩm.

c. Nguyên liệu dùng để chế biến thực phẩm phải còn thời hạn sử dụng, có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng, bảo đảm an toàn và giữ nguyên các thuộc tính vốn có của nó; các nguyên liệu tạo thành thực phẩm không được tương tác với nhau để tạo ra các sản phẩm gây hại đến sức khỏe, tính mạng con người.

Đáp án đúng là đáp án c.

Quy định tại khoản 1, Điều 26 Luật An toàn thực phẩm 2010.

Câu 43. Những hành vi bị cấm trong sản xuất, kinh doanh thực phẩm?

a. Thực phẩm không rõ nguồn gốc, xuất xứ hoặc quá thời hạn sử dụng.

b. Sản xuất, kinh doanh thực phẩm bị biến chất;

c. Cả 2 đáp án trên.

Đáp án đúng là đáp án c.

Quy định tại điểm c, điểm i, khoản 5 Điều 5 Luật An toàn thực phẩm 2010

Câu 44. Thực phẩm bị ô nhiễm từ những nguồn nào dưới đây?

a. Từ bàn tay người sản xuất bị ô nhiễm; Từ trang thiết bị không đảm bảo vệ sinh.

b. Từ côn trùng, động vật có tác nhân gây bệnh.

c. Cả 2 đáp án trên.

Đáp án đúng là đáp án c.

Câu 45. Những thực phẩm nào dưới đây có sẵn độc tố rất dễ gây ngộ độc?

a. Khoai tây mọc mầm.

b. Ngô, lạc bị mốc.

c. Cả 2 đáp án trên.

Đáp án đúng là đáp án c.

Câu 46. Dấu hiệu nào không phải là dấu hiệu của ngộ độc thực phẩm cấp tính?

a. Đau bụng, buồn nôn, nôn sau khi sử dụng thực phẩm.

b. Đau bụng kèm theo tay chân mất cảm giác, dị cảm ở lưỡi... sau khi sử dụng thực phẩm.

c. Ho, sổ mũi, hắt hơi, đau đầu.

Đáp án đúng là đáp án c.

Câu 47. Cơ thể có thể bị nhiễm giun, sán sau khi sử dụng loại thực phẩm nào sau đây?

a. Gỏi cá, rau sống, tiết canh.

b. Hải sản nấu chín.

c. Thực phẩm đồ hộp.

Đáp án đúng là đáp án a.

Câu 48. Hàn the có được sử dụng trong sản xuất, chế biến thực phẩm không?

a. Có được phép sử dụng với hàm lượng thấp.

b. Có được phép sử dụng.

c. Không được phép sử dụng.

Đáp án đúng là đáp án c.

Câu 49. Loại bao gói nào không nên để tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm?

a. Giấy sách, báo in.

- b. Hộp nhựa, hộp xốp chuyên dùng để chứa đựng thực phẩm.
- c. Màng bọc thực phẩm.

Đáp án đúng là đáp án a.

Câu 50. Hành vi nào sau đây có thể dẫn đến ngộ độc thực phẩm?**a. Bảo quản thực phẩm sống, chín lẫn lộn.**

- b. Chế biến thực phẩm đúng cách.
- c. Sử dụng nước sạch trong chế biến thực phẩm.

Đáp án đúng là đáp án a.

Câu 51. Trường hợp nào sau đây cơ quan có thẩm quyền kiểm tra về an toàn thực phẩm tiến hành kiểm tra đột xuất?

a. Khi có dấu hiệu vi phạm về an toàn thực phẩm, sự cố về an toàn thực phẩm; các đợt kiểm tra cao điểm và yêu cầu quản lý an toàn thực phẩm theo chỉ đạo của cơ quan cấp trên.

b. Theo phản ánh của các tổ chức, cá nhân có liên quan đến an toàn thực phẩm.

c. Cả 2 đáp án trên.

Đáp án đúng là đáp án c.

Quy định tại khoản 1, Điều 8 của Thông tư số 48/2015/TT-BYT ngày 01/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định hoạt động kiểm tra an toàn thực phẩm trong sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Y tế

Câu 52. Xử phạt vi phạm hành chính bao gồm những nguyên tắc nào?

a. Chỉ xử phạt vi phạm hành chính khi có hành vi vi phạm hành chính do pháp luật quy định.

b. Việc xử phạt vi phạm hành chính được tiến hành nhanh chóng, công khai, khách quan, đúng thẩm quyền, bảo đảm công bằng, đúng quy định của pháp luật;

c. Cả 2 đáp án trên.

Đáp án đúng là đáp án c.

Quy định tại điểm d, khoản 1, Điều 3 Luật Xử lý vi phạm hành chính 2012 được sửa đổi bổ sung tại khoản 2, Điều 1 Luật Xử lý vi phạm hành chính 2020.

Tại điểm b, khoản 1 Điều 3 Luật Xử lý vi phạm hành chính 2012.

Câu 53. Luật Xử lý vi phạm hành chính quy định có những biện pháp khắc phục hậu quả nào?

- a. Buộc thu hồi sản phẩm, hàng hóa không bảo đảm chất lượng;
- b. Buộc tiêu hủy hàng hóa, vật phẩm gây hại cho sức khỏe con người;
- c. Cả 2 đáp án trên.**

Đáp án đúng là đáp án c.

Quy định tại điểm đ, điểm h khoản 1 Điều 28 Luật Xử lý vi phạm hành chính 2012.

Câu 54. Trường hợp nào sau đây thì cá nhân, tổ chức vi phạm bị xử phạt hành chính được quyền giải trình?

- a. Đối với hành vi vi phạm hành chính mà pháp luật có quy định hình thức xử phạt tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn.
- b. Quy định mức tối đa khung tiền phạt đối với hành vi đó từ 15.000.000 đồng trở lên đối với cá nhân, từ 30.000.000 đồng đối với tổ chức.

c. Cả 2 đáp án trên.

Đáp án đúng là đáp án c.

Quy định tại khoản 30, Điều 1 Luật Xử lý vi phạm hành chính 2020

Câu 55. Nghị định số 115/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ, quy định đối với mỗi hành vi vi phạm hành chính về an toàn thực phẩm, cá nhân, tổ chức vi phạm thì phải chịu hình thức xử phạt chính nào?

a. Phạt tiền

- b. Phạt cảnh cáo
- c. Cả 2 đáp án trên.

Đáp án đúng là đáp án a.

Quy định tại Khoản 1, Điều 2 Nghị định số 115/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ Quy định về xử phạt vi phạm hành chính về an toàn thực phẩm.

Câu 56. Mức phạt tiền tối đa đối với Tổ chức sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc diện phải cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm mà không có Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm?

- a. 30.000.000 đồng
- b. 40.000.000 đồng**
- c. 50.000.000 đồng

Đáp án đúng là đáp án b.

Quy định tại khoản 2, Điều 18 Nghị định 115/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về an toàn thực phẩm được sửa đổi, bổ sung tại khoản 8 Điều 1 Nghị định 124/2021/NĐ-CP ngày 28/12/2021 của Chính phủ quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 115/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 và Nghị định số 117/2020/NĐ-CP ngày 28/9/2020.

Câu 57. Tổ chức có hành vi vi phạm sử dụng nguyên liệu không rõ nguồn gốc, xuất xứ để sản xuất, chế biến, cung cấp thực phẩm thì mức xử phạt là bao nhiêu?

a. Phạt tiền từ 01 lần đến 02 lần giá trị sản phẩm vi phạm.

b. Phạt tiền từ 02 đến 04 lần giá trị sản phẩm vi phạm.

c. Phạt tiền từ 05 đến 07 lần giá trị sản phẩm vi phạm.

Đáp án đúng là đáp án a.

Quy định tại khoản b, điểm 1, Điều 4 Nghị định số 115/2018/NĐ-CP của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về an toàn thực phẩm.

Câu 58. Cá nhân sản xuất thực phẩm có hành vi sử dụng phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm thuộc danh mục được phép sử dụng theo quy định nhưng đã quá thời hạn sử dụng hoặc không có thời hạn sử dụng bị xử phạt tối đa là bao nhiêu tiền?

a. 10.000.000 đồng

b. 15.000.000 đồng

c. 20.000.000 đồng

Đáp án đúng là đáp án c.

Quy định tại khoản 1, Điều 5 Nghị định số 115/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về an toàn thực phẩm.

Câu 59. Tổ chức có hành vi không thực hiện tăng cường vi chất dinh dưỡng thuộc danh mục bắt buộc phải tăng cường vi chất dinh dưỡng vào thực phẩm theo quy định của pháp luật bị xử phạt tối đa bao nhiêu tiền?

a. 10.000.000 đồng

b. 15.000.000 đồng

c. 20.000.000 đồng

Đáp án đúng là đáp án c.

Quy định tại Khoản 1, Điều 7 Nghị định số 115/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ Quy định xử phạt vi phạm hành chính về an toàn thực phẩm.

Câu 60. Tổ chức, cá nhân có hành vi không thực hiện tăng cường vi chất dinh dưỡng thuộc danh mục bắt buộc phải tăng cường vi chất dinh dưỡng vào thực phẩm theo quy định của pháp luật phải bị áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả nào sau đây?

a. Thay đổi mục đích sử dụng

b. Buộc thu hồi thực phẩm

c. Cả 2 đáp án trên

Đáp án đúng là đáp án a.

Quy định tại khoản 1, khoản 2, Điều 7 Nghị định số 115/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ Quy định xử phạt vi phạm hành chính về an toàn thực phẩm.

Câu 61. Theo Nghị định 115/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ, quy định mức phạt tiền tối đa đối với cá nhân có hành vi vi phạm hành chính về an toàn thực phẩm là?

a. 50.000.000 đồng

b. 100.000.000 đồng

c. 150.000.000 đồng

Đáp án đúng là đáp án b.

Quy định tại khoản 1, Điều 3 Nghị định số 115/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung điểm a, khoản 2, Điều 1 Nghị định số 124/2021/NĐ-CP ngày 28/12/2021 của Chính phủ quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 115/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 và Nghị định số 117/2020/NĐ-CP ngày 28/9/2020.

Câu 62. Theo Nghị định 115/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ, quy định mức phạt tiền tối đa đối với tổ chức có hành vi vi phạm hành chính về an toàn thực phẩm là?

a. 100.000.000 đồng

b. 150.000.000 đồng

c. 200.000.000 đồng

Đáp án đúng là đáp án c.

Quy định tại khoản 1, Điều 3 Nghị định số 115/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 Điều 1 Nghị định số 124/2021/NĐ-CP ngày 28/12/2021 của Chính phủ quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 115/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 và Nghị định số 117/2020/NĐ-CP ngày 28/9/2020.

Câu 63. Hành vi sử dụng phụ gia thực phẩm hoặc chất hỗ trợ chế biến thực phẩm cấm sử dụng mà sản phẩm trị giá dưới 10.000.000 đồng thì bị đình chỉ một phần hoặc toàn bộ hoạt động sản xuất, chế biến thực phẩm trong thời gian bao nhiêu?

a. Từ 01 tháng đến 03 tháng

b. Từ 02 tháng đến 03 tháng

c. Từ 03 tháng đến 05 tháng

Đáp án đúng là đáp án a.

Quy định tại khoản 4 và điểm a, khoản 7, Điều 5 Nghị định số 115/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về an toàn thực phẩm.

Câu 64. Hình thức phạt bổ sung đối với hành vi sử dụng người trực tiếp chế biến thức ăn tại nhà hàng ăn uống mà đang mắc một trong các bệnh: tả, lỵ, thương hàn, viêm gan A, E, viêm da nhiễm trùng, lao phổi, tiêu chảy cấp là?

a. Đình chỉ một phần hoặc toàn bộ hoạt động sản xuất, chế biến, kinh doanh, cung cấp thực phẩm từ 01 tháng đến 03 tháng.

b. Thu hồi Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm.

c. Cả 2 đáp án trên

Đáp án đúng là đáp án a.

Quy định tại khoản 5, khoản 6, Điều 15 Nghị định số 115/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại điểm e, khoản 6 Điều 1 Nghị định số 124/2021/NĐ-CP ngày 28/12/2021 của Chính phủ quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 115/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 và Nghị định số 117/2020/NĐ-CP ngày 28/9/2020.

Câu 65. Mức phạt tiền tối đa đối với cá nhân có hành vi không lưu giữ hồ sơ đã tự công bố sản phẩm theo quy định của pháp luật?

a. 10.000.000 đồng

b. 15.000.000 đồng

c. 20.000.000 đồng

Đáp án đúng là đáp án c.

Quy định tại điểm c, khoản 1, Điều 20 Nghị định 115/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về an toàn thực phẩm.

Câu 66. Mức phạt tiền đối với Tổ chức sản xuất thực phẩm có hành vi “sử dụng người tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm mà không mang đầy đủ bảo hộ lao động” là?

a. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng

b. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng

c. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 9.000.000 đồng

Đáp án đúng là đáp án b.

Quy định tại khoản 1, Điều 9 Nghị định số 115/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại điểm a, khoản 3, Điều 1 Nghị định số 124/2021/NĐ-CP ngày 28/12/2021 của Chính phủ quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 115/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 và Nghị định số 117/2020/NĐ-CP ngày 28/9/2020.

Câu 67. Theo Nghị định số 115/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ, hành vi vi phạm “quy trình sản xuất thực phẩm không theo nguyên tắc một chiều từ nguyên liệu đầu vào cho đến sản phẩm cuối cùng” đối với cá nhân sản xuất thực phẩm thì bị xử phạt bao nhiêu tiền?

a. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng

b. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng

c. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng

Đáp án đúng là đáp án c.

Quy định tại điểm a, khoản 3, Điều 9 Nghị định số 115/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ Quy định xử phạt vi phạm hành chính về an toàn thực phẩm.

Câu 68. Theo Nghị định số 115/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ, Tổ chức sản xuất, kinh doanh thực phẩm có hành vi vi phạm “sử dụng người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm không có giấy xác nhận tập huấn kiến thức an toàn thực phẩm” thì mức xử phạt là?

a. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng

b. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng

c. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 14.000.000 đồng

Đáp án đúng là đáp án c.

Quy định tại điểm đ, khoản 3, Điều 9 Nghị định số 115/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 được sửa đổi, bổ sung tại điểm d, khoản 3, Điều 1 Nghị định số 124/2021/NĐ-CP ngày 28/12/2021 của Chính phủ quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 115/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 và Nghị định số 117/2020/NĐ-CP ngày 28/9/2020.

Câu 69. Theo Nghị định số 115/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ, Cá nhân sản xuất, kinh doanh nước uống đóng chai có hành vi vi phạm “khu vực chiết rót nước khoáng thiên nhiên đóng chai, nước uống đóng chai không kín” thì mức xử phạt là bao nhiêu?

a. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng

b. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng

c. Phạt tiền từ 7.000.000 đồng đến 9.000.000 đồng

Đáp án đúng là đáp án b.

Quy định tại điểm g, khoản 3, Điều 9 Nghị định số 115/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ Quy định xử phạt vi phạm hành chính về an toàn thực phẩm.

Câu 70. Theo Nghị định số 115/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ, Cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm có hành vi vi phạm “không có ủng hoặc giày, dép sử dụng riêng trong khu vực sản xuất thực phẩm” thì mức xử phạt là bao nhiêu?

a. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng

b. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng

c. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng

Đáp án đúng là đáp án c.

Quy định tại điểm c, khoản 2, Điều 9 Nghị định số 115/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ Quy định xử phạt vi phạm hành chính về an toàn thực phẩm.

Câu 71. Theo Nghị định số 115/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ, Cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm có hành vi vi phạm “nơi sản xuất, chế biến, kinh doanh, bảo quản không cách biệt với nguồn ô nhiễm bụi, hóa chất độc hại và các yếu tố gây hại khác” thì mức xử phạt là?

a. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng

b. Phạt tiền từ 6.000.000 đồng đến 12.000.000 đồng

c. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng

Đáp án đúng là đáp án c.

Quy định tại điểm a, khoản 5, Điều 9 Nghị định số 115/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ Quy định xử phạt vi phạm hành chính về an toàn thực phẩm.

Câu 72. Theo Nghị định số 115/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ, Tổ chức sản xuất, kinh doanh thực phẩm có hành vi vi phạm “tường, trần, nền nhà khu vực sản xuất, kinh doanh, kho bảo quản bị thấm nước, rạn nứt, ẩm mốc” thì mức xử phạt là?

- a. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng
- b. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng

c. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng

Đáp án đúng là đáp án c.

Quy định tại điểm b, khoản 5, Điều 9 Nghị định số 115/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ Quy định xử phạt vi phạm hành chính về an toàn thực phẩm.

Câu 73. Theo Nghị định số 115/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ, mức phạt tiền đối với Cá nhân kinh doanh dịch vụ ăn uống có hành vi vi phạm “nơi chế biến, kinh doanh, bảo quản có côn trùng, động vật gây hại xâm nhập” là?

- a. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng**
- b. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng
- c. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng

Đáp án đúng là đáp án a.

Quy định tại điểm c, khoản 1, Điều 15 Nghị định số 115/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ Quy định xử phạt vi phạm hành chính về an toàn thực phẩm.

Câu 74. Theo Nghị định số 115/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ, Cá nhân kinh doanh dịch vụ ăn uống có hành vi vi phạm “sử dụng người trực tiếp chế biến thức ăn mà không đội mũ, đeo khẩu trang” thì mức xử phạt là?

- a. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng**
- b. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng
- c. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng

Đáp án đúng là đáp án a.

Quy định tại điểm d, khoản 1, Điều 15 Nghị định số 115/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ Quy định xử phạt vi phạm hành chính về an toàn thực phẩm.

Câu 75. Theo Nghị định số 115/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ, Tổ chức kinh doanh dịch vụ ăn uống có hành vi vi phạm “không thực hiện hoặc thực hiện không đúng quy định của pháp luật về chế độ kiểm thực 3 bước” thì mức xử phạt là?

a. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng

b. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng

c. Phạt tiền từ 6.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng

Đáp án đúng là đáp án c.

Quy định tại điểm a, khoản 2, Điều 15 Nghị định số 115/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ Quy định xử phạt vi phạm hành chính về an toàn thực phẩm.

Câu 76. Theo Nghị định số 115/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ, Tổ chức kinh doanh dịch vụ ăn uống có hành vi vi phạm “không thực hiện hoặc thực hiện không đúng quy định của pháp luật về lưu mẫu thức ăn” thì mức xử phạt là?

a. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng

b. Phạt tiền từ 6.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng

c. Phạt tiền từ 7.000.000 đồng đến 12.000.000 đồng

Đáp án đúng là đáp án b.

Quy định tại điểm b, khoản 2, Điều 15 Nghị định số 115/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ Quy định xử phạt vi phạm hành chính về an toàn thực phẩm.

Câu 77. Theo Nghị định số 115/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ, mức xử phạt đối với Tổ chức kinh doanh dịch vụ ăn uống có hành vi vi phạm “không có dụng cụ thu gom, chứa đựng rác thải, chất thải bảo đảm vệ sinh” là?

a. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng

b. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng

c. Phạt tiền từ 6.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng

Đáp án đúng là đáp án c.

Quy định tại điểm e, khoản 2, Điều 15 Nghị định số 115/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ được sửa đổi bổ sung tại điểm c, khoản 6, Điều 1 Nghị định số 124/2021/NĐ-CP ngày 28/12/2021 của Chính phủ quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 115/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 và Nghị định số 117/2020/NĐ-CP ngày 28/9/2020.

Câu 78. Cá nhân kinh doanh dịch vụ ăn uống có hành vi vi phạm “công rãnh thoát nước thải khu vực cửa hàng, nhà bếp bị ứ đọng; không được che kín” bị xử phạt vi phạm hành chính ở mức nào?

a. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng

b. Phạt tiền từ 4.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng

c. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng

Đáp án đúng là đáp án a.

Quy định tại điểm d, khoản 2, Điều 15 Nghị định số 115/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ được sửa đổi bổ sung tại điểm b, khoản 6, Điều 1 Nghị định số 124/2021/NĐ-CP ngày 28/12/2021 của Chính phủ quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 115/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 và Nghị định số 117/2020/NĐ-CP ngày 28/9/2020.

Câu 79. Tổ chức kinh doanh dịch vụ ăn uống có hành vi vi phạm “Chủ cơ sở không có giấy xác nhận tập huấn kiến thức an toàn thực phẩm” thì bị xử phạt hành chính ở mức nào?

a. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng

b. Phạt tiền từ 14.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng

c. Phạt tiền từ 16.000.000 đồng đến 24.000.000 đồng

Đáp án đúng là đáp án b.

Quy định tại điểm b, khoản 4, Điều 15 Nghị định số 115/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại điểm đ, khoản 6, Điều 1 Nghị định số 124/2021/NĐ-CP ngày 28/12/2021 của Chính phủ quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 115/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 và Nghị định số 117/2020/NĐ-CP ngày 28/9/2020.

Câu 80. Tổ chức kinh doanh dịch vụ ăn uống thuộc đối tượng phải cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm mà không có Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm thì mức xử phạt là?

a. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng

b. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng

c. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng

Đáp án đúng là đáp án b.

Quy định tại khoản 1, Điều 18 Nghị định số 115/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ được sửa đổi bổ sung tại khoản 8, Điều 1 Nghị định số 124/2021/NĐ-CP ngày 28/12/2021 của Chính phủ quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 115/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 và Nghị định số 117/2020/NĐ-CP ngày 28/9/2020.

Câu 81. Tổ chức sản xuất, kinh doanh thực phẩm có Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm nhưng đã hết hiệu lực thì mức xử phạt là?

- a. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng
- b. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng
- c. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng**

Đáp án đúng là đáp án c.

Quy định tại khoản 2, Điều 18 Nghị định số 115/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ được sửa đổi bổ sung tại khoản 8 Điều 1 Nghị định số 124/2021/NĐ-CP ngày 28/12/2021 của Chính phủ quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 115/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 và Nghị định số 117/2020/NĐ-CP ngày 28/9/2020.

Câu 82. Mức phạt tiền đối với hành vi vi phạm sản xuất sản phẩm thực phẩm thuộc diện tự công bố sản phẩm không phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật tương ứng đối với Cá nhân là?

- a. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng
- b. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng**
- c. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng

Đáp án đúng là đáp án b.

Quy định tại điểm a, khoản 3, Điều 20 Nghị định số 115/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ được sửa đổi bổ sung tại điểm c, khoản 10, Điều 1 Nghị định số 124/2021/NĐ-CP ngày 28/12/2021 của Chính phủ quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 115/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 và Nghị định số 117/2020/NĐ-CP ngày 28/9/2020.

Câu 83. Tổ chức sản xuất, kinh doanh nước uống đóng chai không nộp bản tự công bố sản phẩm đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định thì mức xử phạt là?

- a. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng
- b. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng

c. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng

Đáp án đúng là đáp án c.

Quy định tại điểm b, khoản 1, Điều 20 Nghị định số 115/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ được sửa đổi bổ sung tại điểm a, khoản 10, Điều 1 Nghị định số 124/2021/NĐ-CP ngày 28/12/2021 của Chính phủ quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 115/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 và Nghị định số 117/2020/NĐ-CP ngày 28/9/2020.

Câu 84. Hành vi không thông báo với cơ quan nhà nước có thẩm quyền khi phát hiện sự cố an toàn thực phẩm đối với Tổ chức thì mức xử phạt là?

- a. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng
- b. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng

c. Phạt tiền từ 6.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng

Đáp án đúng là đáp án c.

Quy định tại khoản 1, Điều 25 Nghị định số 115/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ Quy định xử phạt vi phạm hành chính về an toàn thực phẩm.

Câu 85. Mức phạt tiền đối với Tổ chức sản xuất, kinh doanh thực phẩm có hành vi vi phạm “không thực hiện thông báo bằng văn bản về nội dung thay đổi sau công bố đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật” là?

- a. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng
- b. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng

c. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng

Đáp án đúng là đáp án c.

Quy định tại điểm b, khoản 4, Điều 22 Nghị định số 115/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ Quy định xử phạt vi phạm hành chính về an toàn thực phẩm.